

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2020

V/v ly hôn giữa ông Đoàn Công N và bà
Nguyễn Thị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Công N, sinh năm 1944;

Địa chỉ: số 61/4 ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 536 ấp 3, xã H, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17 tháng 7 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đoàn Công N trình bày: Ông và bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức cưới hỏi, không đăng ký kết hôn. Ông và bà H sống chung không hạnh phúc, sau một năm

chung sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến năm 1990 sau khi bà H sinh con thì ông bà cắt đứt quan hệ, bà H bỏ đi không liên lạc cho đến nay. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Công C sinh năm 1990, đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông N về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Bà đồng ý yêu cầu xin ly hôn của ông N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Công C sinh năm 1990, đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong quá trình tố tụng, ông Đoàn Công N và bà Nguyễn Thị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Đoàn Công N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H cư ngụ ấp 3, xã H, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Công N và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức cưới hỏi, không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông N và bà H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay ông N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà H, quá trình tố tụng bà H đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000

của Quốc Hội không công nhận ông Đoàn Công N và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[4] Về con chung: có 01 người con chung tên Đoàn Công C, sinh năm 1990 đã thành niên, Đoàn Công C không mất năng lực hành vi dân sự hoặc không khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Việc không yêu cầu nuôi dưỡng con chung giữa ông N và bà H không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích của con chung nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí: Ông N là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đoàn Công N và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Công C; sinh năm 1990 đã thành niên nên không đề cập.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí: Ông N được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sở Trịnh Thị Lệ Hoa

Nguyễn Thị Diễm Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

